

Bản án số: 999/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quốc Hà
bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Gia Hưng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 838/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023; về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 580/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 547/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (V1); địa chỉ trụ sở chính: A T, phường C, quận H, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thùy V; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh A1 Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số: 602/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 31/5/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị); ông Nguyễn Thành N; ông Nguyễn Tấn N1, sinh năm 1987; ông Phạm Tấn L, sinh năm 1992 (Văn bản ủy quyền lại số: 585A/UQ-TH-CN11 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Chi nhánh 11); cùng địa chỉ liên lạc: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh A1 Thành phố Hồ Chí Minh, số: 1443-1445-1447-1449 Đường C và A N, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Bị đơn: ông Lê Tấn S, sinh năm 1990; bà Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: 1 Đường số C, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2023, bản tự khai, các lần làm việc tại Tòa án và các bản sao kê, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (V1) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do bà Nguyễn Thùy V, ông Nguyễn Thành N, ông Nguyễn Tấn N1, ông Phạm Tấn L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng đã cho ông Lê Tấn S vay vốn theo Hợp đồng cho vay số 01/2023-HĐCVHM/NHCT94233-LE TAN SANG ngày 14/3/2023, Giấy nhận nợ số 01 ngày 16/3/2023, Giấy nhận nợ số 02 ngày 17/3/2023, Giấy nhận nợ số 03 ngày 20/3/2023, Giấy nhận nợ số 04 ngày 21/3/2023, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 05 ngày 10/4/2023, cụ thể:

Theo hợp đồng cho vay số: 01/2023-HĐCVHM/NHCT94233-LE TAN SANG ngày 14/3/2023: số tiền cam kết cho vay: 6.000.000.000 đồng; số tiền đã giải ngân: 5.380.000.000 đồng; thời hạn khoản vay: 6 tháng kể từ ngày giải ngân; tổng dư nợ, lãi vay tính đến ngày 30/9/2024 là 6.325.783.935 đồng; trong đó: nợ gốc là: 5.380.000.000 đồng, tổng nợ lãi là: 695.105.459 đồng, lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn là: 250.678.476 đồng. Khoản vay này phát sinh quá hạn từ ngày 26/5/2023.

Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 05 ngày 10/4/2023, tổng dư nợ, lãi, phí thẻ tín dụng tính đến ngày 30/9/2024 là: 260.662.627 đồng, cụ thể: dư nợ gốc quá hạn: 199.998.900 đồng, lãi quá hạn: 57.292.698 đồng, phí: 3.371.029 đồng. Khoản vay này sinh quá hạn từ ngày 07/6/2023.

Ngày 25/5/2023, là ngày đến hạn trả nợ theo định kỳ nhưng khách hàng không trả được nợ và khoản vay bắt đầu quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc với khách hàng nhưng không liên lạc được, Ngân hàng đã nhiều lần qua nhà khách hàng nhưng khách hàng đã rời khỏi nơi cư trú và không rõ đi đâu. Ngân hàng cũng đã nhiều lần gửi thư thông báo nợ quá hạn theo địa chỉ thường trú của khách hàng nhưng thư được hoàn về. Ngoài ra, Ngân hàng cũng liên tục nhắc nợ khách hàng qua điện thoại nhưng không nhận được phản hồi của khách hàng. Nhận thấy, ông Lê Tấn S và bà Nguyễn Thị Huỳnh A đã không thực hiện trả nợ đúng theo cam kết đối với các khoản vay nêu trên, đã gây cho Ngân hàng nhiều khó khăn và thiệt hại, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Trước tình hình trên, Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết các yêu cầu khởi kiện cụ thể sau đây của Ngân hàng:

Buộc ông Lê Tấn S và bà Nguyễn Thị Huỳnh A trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ vay bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi và các khoản phí khác tính từ ngày vay đến ngày tất toán nợ của hợp đồng thẻ, Hợp đồng cho vay và các Giấy nhận nợ nêu trên, cụ thể tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 6.586.446.562 đ (sáu tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng); trong đó: Tổng nợ gốc theo hợp đồng cho vay và thẻ nêu trên là 5.579.998.900 đồng; tổng nợ lãi theo hợp đồng cho vay và thẻ nêu trên là 1.003.076.633 đồng; phí đối với dư nợ thẻ quá hạn là: 3.371.029 đồng.

Buộc ông Lê Tấn S, bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải tiếp tục trả tiền nợ lãi quá hạn đối với khoản vay cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận

trong hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ trên sổ nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông **Lê Tấn S**, bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nêu trên bao gồm:

Tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: **1 Đường số C, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ cấp giấy GCN: CS 08428, số phát hành: CN 430472 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố H** cấp ngày 22/3/2019, đăng ký biến động đất đai ngày 07/8/2019 ghi nhận việc chuyển nhượng cho ông **Lê Tấn S** và bà **Nguyễn Thị Huỳnh A**.

Tài sản trên được Ngân hàng nhận thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/HĐBĐ/NHCT94233 ngày 14/3/2023 được **Phòng C1 TP H**, chứng thực số công chứng 02828, quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/03/2023, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai quận G** ngày 15/3/2023 theo quy định pháp luật.

Ngân hàng yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên:

Buộc ông **Lê Tấn S**, bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ vay bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi và các khoản phí khác tính từ ngày vay đến ngày tất toán nợ của hợp đồng thế, Hợp đồng cho vay và các Giấy nhận nợ nêu trên, cụ thể tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 6.586.446.562 đ (sáu tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng); trong đó: Tổng nợ gốc theo hợp đồng cho vay và thế nêu trên là 5.579.998.900 đồng; tổng nợ lãi theo hợp đồng cho vay và thế nêu trên là 1.003.076.633 đồng; phí đối với dư nợ thế quá hạn là: 3.371.029 đồng.

Buộc ông **Lê Tấn S**, bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** phải tiếp tục trả tiền nợ lãi quá hạn đối với khoản vay cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ trên sổ nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông **Lê Tấn S**, bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nêu trên bao gồm: quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 6, địa chỉ **số A Đường số C, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ ông **S**, bà **A** đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng ông **S**, bà **A** không đến, nên Tòa án không ghi được lời khai của ông **S**, bà **A**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Ngân hàng đã ký kết các Hợp đồng cho vay, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng với ông **Lê Tấn S** theo như nội dung nguyên đơn đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng ông **S** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ vào Bảng tính lãi khoản vay do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa, tính đến ngày 30/9/2024 ông **S** còn nợ số tiền nêu trên. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của ông **S** đã ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của Ngân hàng.

Do đó căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: buộc ông **Lê Tấn S**, bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** thanh toán số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi quy định tại Hợp đồng cho vay, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông **Lê Tấn S** có ký với **Ngân hàng TMCP C (VI)** (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) các hợp đồng tín dụng như đã trình bày ở phần nội dung vụ án. Do đó, có cơ sở xác định giữa ông **S** và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản như quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông **S** không trả tiền vay nên Ngân hàng khởi kiện; quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông **S** có nơi cư trú cuối cùng tại **quận G**, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông **S**, bà **A** tới Tòa án để giải quyết vụ án. Do ông **S**, bà **A** không tới Tòa theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không ghi được lời khai của ông **S**, bà **A** và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông **S**, bà **A** không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **S**, bà **A**.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa ngày 30/9/2024, ông Nguyễn Thành N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết: ông Lê Tấn S và bà Nguyễn Thị Huỳnh A trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 6.586.446.562 đ (sáu tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng); trong đó: Tổng nợ gốc theo hợp đồng cho vay và thẻ nêu trên là 5.579.998.900 đồng; tổng nợ lãi theo hợp đồng cho vay và thẻ tín dụng nêu trên là 1.003.076.633 đồng; phí đối với dư nợ thẻ quá hạn là: 3.371.029 đồng.

Ông Lê Tấn S, bà Nguyễn Thị Huỳnh A còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng, tính kể từ ngày 01/10/2024 đến khi trả hết nợ.

Nếu ông Lê Tấn S, bà Nguyễn Thị Huỳnh A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số A Đường số C, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, .. thì áp dụng theo quy định của Luật này*”, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Do vậy, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận; Hội đồng xét xử xét lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, tuy chỉ có ông S là người trực tiếp ký kết hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ và thẻ tín dụng nêu trên, nhưng ông S và bà A là vợ chồng, mục đích vay tiền là để phát triển kinh tế cho gia đình, căn cứ theo Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì bà A cũng phải có nghĩa vụ trả nợ cùng ông S đối với số nợ trên, nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thống nhất:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông S, bà A phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 6.586.446.562 đ (sáu tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng); trong đó: tổng nợ gốc theo hợp đồng cho vay và thẻ nêu trên là 5.579.998.900 đồng; tổng nợ lãi theo hợp đồng cho vay và thẻ nêu trên là 1.003.076.633 đồng; phí đối với dư nợ thẻ quá hạn là: 3.371.029 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024, ông S, bà A còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng cho vay, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Nếu ông Lê Tấn S và bà Nguyễn Thị Huỳnh A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 6, địa chỉ số A Đường số C, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông S, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.586.447 đ (một trăm mười bốn triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi bảy đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP C (V1) số tiền 56.876.600 đ (năm mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng) mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2023/0013204 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về các chi phí tố tụng khác: căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông Lê Tấn S và bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải trả cho Ngân hàng TMCP C (V1) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đ (mười triệu đồng) theo Phiếu thu ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Áp dụng pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Tấn S và bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 6.586.446.562 đ (sáu tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng); trong đó: tổng nợ gốc theo hợp đồng cho vay

và thẻ nêu trên là 5.579.998.900 đồng; tổng nợ lãi theo hợp đồng cho vay và thẻ nêu trên là 1.003.076.633 đồng; phí đối với dư nợ thẻ quá hạn là: 3.371.029 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024, ông **S**, bà **A** còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng cho vay, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Nếu ông **Lê Tấn S** và bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 6, địa chỉ **số A Đường số C, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số cấp giấy GCN: CS 08428, số phát hành: CN 430472 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố H** cấp ngày 22/3/2019, đăng ký biến động đất đai ngày 07/8/2019 ghi nhận việc chuyển nhượng cho ông **Lê Tấn S** và bà **Nguyễn Thị Huỳnh A**.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông **Lê Tấn S** và bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.586.447 đ (một trăm mười bốn triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi bảy đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho **Ngân hàng TMCP C (V1)** số tiền 56.876.600 đ (năm mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng) mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2023/0013204 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về các chi phí tố tụng khác: căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông **Lê Tấn S** và bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** phải trả cho **Ngân hàng TMCP C (V1)** chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đ (mười triệu đồng) theo Phiếu thu ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn